

Trung Giang Ký Sự – kỳ 42

Hành Vân

Buổi chiều thứ hai của chuyến đi miền Trung tôi đến Tịnh xá Ngọc Duyên ở Đập Đá. 24 năm rồi mới quay lại nơi này, thượng tọa Giác Dưỡng đã mất từ lâu, cái giếng nhỏ mà sâu cũng không còn, mấy cây vú sữa to đã bị đốn để xây tòa nhà chánh điện, không còn một cái cột sần nào nữa... Tịnh xá Ngọc Duyên bây giờ đã hoàn toàn lột xác thành một cơ sở tôn giáo bề thế, khang trang.



Tịnh xá Ngọc Duyên – Đập Đá – Bình Định

Mùa Trung Thu năm 1993 tôi về thăm quê ngoại, đi theo mấy đứa cháu cùng tuổi gọi bằng cậu, sẵn tìm chỗ đi tu. Hồi đó anh Tám còn độc thân vui tính, hai anh em mỗi người một chiếc xe đạp khắp xóm làng. Khi đến Chùa Thập Tháp, tôi bảo anh Tám ở ngoài sân chùa đợi tôi một lát, để tôi vào gặp các thầy có việc. Tôi vào, xin quý thầy cho được đi tu ở đây. Thầy tri khách nói hòa thượng trụ trì đã nhập thất, các thầy không quyết định được. Khi tôi ra ngoài, anh Tám nhìn tôi dè dặt hỏi: “Chú mày định đi tu à?”. Tôi gật đầu, anh Tám làm thinh, có vẻ nghĩ ngợi. Hai anh em theo đường quốc lộ 1 đạp xe về. Lúc đi ngang chỗ rẽ vào thôn Bắc Phương Danh, anh Tám chỉ Tịnh xá Ngọc Duyên, có một nhà máy nước đá và một trường học kế bên, phía ngoài là mấy ruộng lúa giáp tới quốc lộ 1.

Sáng hôm sau tôi đạp xe lên Tịnh xá Ngọc Duyên một mình. Trời có nắng đẹp. Tháng này vẫn chưa có mưa, các giếng nước trong xóm Lò Rèn chỗ mấy anh chị họ của tôi ở đã cạn trơ đáy. Mọi người đều canh chừng mức nước về xài, mỗi khi giếng ra được ít nước.

Tịnh xá vắng vẻ, có nhiều tàng cây xòe bóng mát, có mấy cái nhà sàn nhỏ nhỏ chắc để các nhà sư ở. Tôi đi tìm chỗ tu, hề thấy chỗ nào có thờ Phật thì tìm đến, chớ đâu có biết phái Phật giáo nào, gọi là tịnh xá hay chùa thì cứ theo cái bảng tên chỗ đó mà gọi thôi, cũng chẳng biết xưng hô với các nhà sư thế nào nữa. Tôi đã đi theo tấm lòng của mình, hình như nó biết chỗ nào là chỗ tu hành. Hôm đó tôi vào chánh điện Ngọc Duyên lạy Phật, rồi đi vòng quanh xem cảnh. Có một

cái giếng nhỏ phía sau. Tôi lại cúi xem, thấy giếng sâu, vẫn còn nước óng ánh. Lúc đi ra, tôi thấy có một nhà sư già đang ngồi trong một cái nhà sàn nhỏ. Người ấy ngồi yên bên trong cửa, lặng lẽ nhìn ra ngoài, có tiếng chim chóp mào hót véo von, buổi sáng đẹp trời và mát mẻ. Tôi cảm thấy rất thích, nên đến gần chấp tay xin được ngồi chơi một lát. Vị sư già đó gật đầu, tôi vội lấy cái ghế đầu đặt kế bên hông ngôi nhà ngồi chơi. Cảm giác lúc đó là trời yên biển lặng, thật an ổn, khoan khoái lắm. Hình như tôi đã về đến “nhà” của mình, trong những kiếp tái sinh luân hồi. Nhưng chỉ khoảng 10 phút sau, không hiểu sao trong lòng tôi đã khởi lên một ý nghĩ, mà sau này mỗi khi nhớ lại tôi đều lấy làm lạ. Bấy giờ tôi chợt nghĩ: “Ông già này hiền quá, làm sao làm thầy mình được!”. Vừa nghĩ vậy là tôi lập tức đứng ngay dậy, chấp tay chào người ta xin phép đi về. Người ấy gật đầu, tôi ra đi, và mãi đến nay mới trở lại thăm. Cảnh cũ đã không còn, người xưa cũng đã đi xa.

Buổi sơ giao 24 năm trước giữa tôi và cô thượng tọa Giác Dưỡng đâu có ai biết. Chỉ là chiều tối hôm đó, lúc đi buôn bán về, vừa vào nhà chị Hai Lanh đã nói oang oang: “Hồi sáng đưa nào lên chùa đó bây?”. Vậy là có ai đó đã biết đưa em Hai Lanh trong Đà Lạt mới ra chơi đã lên đến tịnh xá. Sau đó tôi đã nói với mấy anh chị lần này về thăm quê ngoại là với ý định đi tu, xin các anh chị giới thiệu giúp, chớ thấy tôi lạ người ta không dám nhận. Chị Hai nói không dám, sợ đi Bảy ra phá nhà của chị! Hôm sau anh Bốn lấy xe máy chở tôi lên Tây Sơn tham quan Viện bảo tàng Quang Trung. Ở chơi thêm hai, ba hôm rồi tôi xin đi về, anh Tám và anh Bảy đưa tôi ra cây xăng Đập Đá, đón xe vô Đà Lạt cho tôi đi. Đến Ngã ba Thành tôi xuống xe mất, vô Nha Trang tìm chùa tu...

Chiều hôm đó vào Ngọc Duyên, tôi gặp sư Giác Phước và sư Giác Bồn, hai sư đã ở Tịnh xá Trung Tâm bốn năm để học khóa VII của Học viện Phật giáo Việt Nam. Sư Bồn dẫn tôi lên phòng khách, một lát cho chú tập sự đem món bánh trắng cuốn bánh hời của Bình Định đãi tôi. Tối hôm đó tôi tranh thủ tắm giặt rồi nghỉ sớm.

Hôm sau, trời vừa sáng, nghe tiếng quét sân phía dưới tôi ra xem. Sư Bồn một góc, sư Phước một góc, hai, ba vị nữa quét dọn mấy chỗ khác. Chà, cử nhân quét sân chùa cũng không khác gì người thường! Ở chùa là vậy đấy, mọi người cùng làm (*cộng tác*) chớ đâu kể học vị gì. Ngày nay Đập Đá đã là một phường trung tâm của thị xã An Nhơn, nên Ngọc Duyên đã ở chôn đô thị, khác hẳn với “cảnh vườn rừng xa nhà bá tánh trăm thước” của ngôi tịnh xá trong *Chơn Lý* đã phác họa.

Tôi đắp y, mang giỏ, xuống dưới đi dạo. Phía bên kia là điện Quan Âm, vô trong có một tháp thờ cô thượng tọa Giác Dưỡng. Tôi vào tháp xem, thấy hai câu đối hai bên bàn thờ:

Giác tánh viên minh thể
Dưỡng hóa chuyển hàm linh.

Câu đối không chuẩn, chỉ sáng tỏ được pháp danh Giác Dưỡng:

Giác – Biết tánh tròn sáng là thể
Dưỡng – Nuôi dạy chuyển hóa các loài.

Không biết người sáng tác hai câu này đã dịch nghĩa như thế nào? Khi tôi rời khỏi tháp, đi thêm mấy bước thì gặp hòa thượng trụ trì tịnh xá. Hòa thượng bảo tôi đi điếm tâm, sẵn gặp ngài tôi xin phép xuống Tây Phương Danh thăm quê ngoại, ngài tỏ vẻ ngạc nhiên rồi bảo nhớ về đi cúng bên Ngọc Sơn, tôi hứa với hòa thượng rồi đi.

Từ Tịnh xá Ngọc Duyên tôi đi bộ xuống thôn Tây Phương Danh, xóm Lò Rèn. Đã 24 năm rồi mới đi lại những con đường cũ dẫn về quê ngoại, làng quê xưa đã thành phố, đường trải bê-tông, có tên hắc hoi. Tôi sanh ra, lớn lên và đi tu đều tại thành phố Ngàn hoa của miền Cao nguyên Việt Nam, sự gắn bó đối với quê ngoại và quê nội không có nhiều, nhất là từ khi đi tu, đã học và nhiễm lối sống “Lấy vũ trụ làm nhà, lấy nhân sanh làm quyến thuộc.”. Có khi Phật tử hỏi tôi quê ở đâu, tôi còn đáp đùa là ở Tây phương Cực Lạc thế giới. Với tư duy Vô ngã thì người ta sẽ chẳng chấp nhất quê hương nào nữa, bởi đâu chẳng phải là nhà, (*vô xứ bất vi gia*). Sáng hôm đó rời khỏi Ngọc Duyên, đi khoảng một cây số tôi bắt đầu hỏi nhà chú Bốn Hung, và đi thêm vài chục bước thì đến.

Đến nhà anh Bốn, cảnh vẫn như hai mấy năm trước, nhưng chỉ còn hai ông bà, mấy đứa con đều trưởng thành, đi xa hết rồi. Hai anh chị rất vui được gặp lại tôi. Anh Bốn pha café mời tôi uống, chị Bốn vẫn ngồi nướng bánh tráng. Một lát chị Hai Lanh chạy qua, chưa thấy người đã nghe tiếng nói. Tuổi 70 mà trông chị lại trẻ ra, hồn nhiên, vui vẻ, không còn vẻ gia trưởng như hồi nào. Hồi đó mẹ mất sớm, cha đành lòng đi lấy vợ khác, chị Hai Lanh đùm bọc năm đứa em, một mình lo cho cả nhà, nên chị có vẻ gia trưởng, giọng nói oang oang. Tôi đùa, bảo chị hết vẻ gia trưởng rồi, chị Hai Lanh đáp: “Bây giờ mình đâu có làm ra tiền, đâu dám la đứa nào.”. Như vậy lại hay, và khỏe cho chị.

Chị Hai Lanh hỏi tôi ăn gì chưa, tôi bảo mới trên tịnh xá đi bộ xuống, nhưng chưa ăn gì, để dành bụng ăn với mấy anh chị. Chị nói đợi chút, mua bánh hỏi cuốn bánh tráng ăn. Chị Hai đi rồi, tôi ngồi uống café với anh Bốn. Hơn nửa tiếng sau chị Hai dọn đồ ăn ra, trong khi ăn chị khen rau diếp cá anh Bốn trồng ngon, bấy giờ tôi mới biết nãy giờ chị đi hái rau. Mấy anh chị em cùng ăn uống trong một mái nhà, đã lâu lắm mới có lại cảnh này. Mọi người cứ hỏi tôi đi tu mấy chục năm đã được gì chưa? Tôi đáp: “Chưa được gì.”. Họ thắc mắc: “Sao kỳ vậy?”. Thì đúng là đi tu lâu mới thấy mình không có gì, không được gì, nhưng tôi cũng chẳng giải thích. Chị Hai Lanh khoe ở Đập Đá có thầy Đồng Ngộ nổi tiếng, chùa giàu lắm, ông đi tu còn sau em. Tôi nói câu truyền miệng của thiên hạ: “Nam Phong, Bắc Quyết, Trung Đồng Ngộ.”, rồi giải thích nó tương tự câu “Nam Mộ Dung, Bắc Kiều Phong” trong truyện kiếm hiệp. Chị Hai hỏi tôi có ô-tô chưa, tôi đáp đại là có cho qua chuyện. Sao mọi người không hỏi những người đã đi tu mấy chục năm rằng: “Đã ngộ đạo chưa?” ta? Tôi có bao giờ so sánh mình với ai làm chi. Người ta giàu thì có dính gì đến mình đâu!

Ăn xong, hai anh chị rủ tôi đi thăm mộ ông bà ngoại, mộ chị Ba Lợi. Tình cờ anh Tám mới ở Sài Gòn về thăm quê mấy bữa nay, nên hai anh lái hai xe chở tôi và chị Hai Lanh đi thăm mộ. Chị Hai ngồi vắt vẻo sau lưng anh Bốn, một tay nắm mấy chùm trái mới hái ở quanh mộ, trông như một cô gái quê hồn nhiên

vậy. Thăm mộ xong mọi người lại đi thăm làng Võ Tánh, thăm tháp Cánh Tiên. Hai di tích ở gần nhau, nên dân gian có câu:

Ngó lên ngọn tháp Cánh Tiên
Cảm thương ông Võ thủ thiềng (*thành*) ba năm.

Mọi người cứ hỏi tôi còn nhớ cảnh này, cảnh kia của “quê mình” không, tôi đáp cho qua chuyện chớ thật sự không có một hình ảnh nào trong lòng. Tôi chỉ nhớ nhất là tiếng đập chan chát mỗi đêm của xóm Lò Rèn. Lúc về, mọi người tạt qua nhà Bảo, con chị Hai. Bảo với con rể đứng kế bên trông như hai thằng bạn nhậu. Mới đó mà nó đã lên chức ông ngoại, vậy là tôi đã thành ông cố! Thời gian qua lúc nào không hay...



Kỷ niệm bên Tháp Cánh Tiên – Bình Định

Khi anh Bốn chở tôi lên Ngọc Duyên lúc 10 giờ, tịnh xá khóa cửa, chắc mọi người đã đi cúng hết, nên tôi tìm xe qua Ngọc Sơn. Trưa hôm đó, ngày mừng 5 tháng 5 năm Đinh Dậu 2017, mọi người cúng 49 ngày cho cố đại đức Giác Mẫn ở Tịnh xá Ngọc Sơn. Gặp đại đức Giác Tri tôi lại nói là chiều sẽ qua Ngọc Hòa ở Nhơn Lý thăm sư. Sư Tri gật đầu, nói khoảng 4 giờ hãy đến, vì trưa nay sư đi họp ở Trường Trung cấp Phật học. Ngọc Sơn bây giờ đẹp quá, rực rỡ sắc màu, công điệu nghệ, tháp cao vút, nhà trên nhà dưới lớp lớp, người ra vô rộn ràng... Thấy cảnh ấy tôi lười biếng, chỉ chụp vài tấm hình làm tư liệu.



Tịnh xá Ngọc Sơn – Tuy Phước – Bình Định



Buổi cúng có ba hòa thượng chứng minh: hòa thượng Giác Tăng, Giác Thuận và Giác Trí. Hòa thượng Giác Tăng ngồi giữa, trưa hôm ấy đã dẫn kinh và thuyết pháp. Lần đầu tiên nghe hòa thượng Giác Tăng thuyết pháp, tôi chú ý để biết tác phong và tư tưởng của vị hòa thượng này. Sau khi thưa thỉnh, nêu lý do, tuyên đọc danh sách cầu nguyện và đọc kinh cúng, ngài bắt đầu bài pháp súc tích của mình:

“Kính thưa quý vị, được sự cung thỉnh của Ban Tổ chức, tôi xin đảm nhận phần công đức pháp thí này. Ai sống trong cuộc đời, hễ có sanh phải có diệt. Đối với người con Phật, vấn đề sanh tử là lớn nhất. Ở thế gian người ta có nhiều vấn đề lớn, như mới sanh ra phải học tập, rồi lập gia đình, dần thân vào đời tạo sự nghiệp, rồi cuối cùng già bệnh... Nhưng đối với người tu chúng ta thì vấn đề lớn nhất là sanh tử, mà chúng ta cần phải chú tâm: **SANH TỬ ĐẠI SỰ** (ngài nói nhấn mạnh bốn chữ này). Người

xuất gia đã vậy, mà người Phật tử cũng phải lấy sanh tử làm việc lớn cho mình. Vậy người xuất gia và Phật tử tại gia đều phải liễu sanh tử.

Muốn liễu sanh tử không phải là một việc dễ dàng. Trong Phật giáo Phát triển, Mã Minh Bồ-tát đã dạy rằng: Từ khi ta phát tâm tu hành đến khi chứng được quả Vô thượng, khoảng thời gian đó thật dài, hết ba vô số kiếp. Một vô số kiếp đã nhiều, huống gì đến ba lần. Tổ sư Minh Đăng Quang của chúng ta cũng đã dạy rằng: Nhiều kiếp ác mới đến kiếp thiện. Nhiều kiếp thiện mới được làm cư sĩ. Nhiều kiếp làm cư sĩ mới được đi xuất gia. Và, phải nhiều kiếp xuất gia mới được chứng đạo. Tiến trình tiến hóa của một chúng sinh từ khi đã hiện hữu trong cõi đời là bao nhiêu? Chúng ta không biết bao nhiêu mà nói.

Nhưng dù bao nhiêu kiếp cũng vậy, người tu chúng ta phải nhận lại được bản tâm sẵn có của mỗi con người. Đạo Phật chúng ta có nhiều điểm nổi bật, mà điểm nổi bật nhất là sự bình đẳng tuyệt đối, qua lời Phật đã dạy: “Ta là Phật đã thành, các con là Phật sẽ thành!”. Vậy ai cũng có Phật tính, thì chúng ta phải biết nuôi dưỡng cho đến ngày Phật tính hiển lộ.

Thưa quý vị, lý là như vậy, còn sự thì tu tập không dễ dàng. Không biết quý vị sao chớ Giác Tăng tu nay vừa tròn 50 năm. Theo lý dứt phiền não, đoạn trừ vô minh, chứng Bồ-đề Niết-bàn, và giải quyết ngay trong đời này, thì Giác Tăng vô phần! Bởi vì phiền não khó bỏ lắm, bỏ bên ngoài thì được, bỏ phiền não thô. Bỏ phiền não thô là như thế nào? Ví dụ tham, người đời tham tài tham sắc thô thiển, người tu không vậy, nhưng vẫn có tham kiểu khác. Như người ta đến cúng dường nhiều mình có thấy vui không? Giác Tăng chưa phải là Thánh cho nên khi người ta ủng hộ Phật pháp nhiều, người ta cúng dường nhiều cho mình làm Phật sự, mình vẫn có vui. Cái vui đó CŨNG LÀ THAM (*ngài nói nhấn mạnh*). Tham cất chùa lớn, tham tu tập tín đồ đông, tham cái địa vị thượng tọa, hòa thượng, làm việc trong xã hội v.v... CŨNG LÀ THAM! Nếu còn tham thì làm sao, làm sao chứng đạo? Cho nên thành thật mà nói, bỏ hết phiền não để chứng Bồ-đề Niết-bàn, lý thì như vậy, sự không dễ.

Giác Tăng không dám nói quý vị, bởi vì Giác Tăng lúc nào cũng nghe ngài Ấn Quang đã dạy rằng: Mình tu thì hãy lo cho mình, hãy ghét mình chớ đừng ghét mọi người, hãy nhìn mọi người là Bồ-tát hết! Hiện giờ ở đây, chư tôn đức Tăng, Ni là Bồ-tát hết, quý vị Phật tử là Bồ-tát hết, riêng Giác Tăng là phạm phu thôi!

Nếu người tu mà còn danh còn lợi thì sao quý vị? Người tu mà còn danh còn lợi, dù mang tiếng là ông hòa thượng thì vẫn còn luân hồi sanh tử như thường. Hiện giờ chúng ta đem chỗ tu mấy chục năm kể mình là lớn, mà khi chết rồi thì không vậy, chỉ kể chỗ tâm đức tu hành của chúng ta. Ai tu được thì người đó mới đứng trước, đi trên. Còn ai tu không được, dù là ông hòa thượng lâu năm thì vẫn là hàng nhỏ!

Cho nên hiện tại chúng ta đừng cố chấp vào danh vị đó rồi lúc nào cũng bị cột trói. Đó là người xuất gia. Còn người tại gia phải theo hướng tu

phước, làm phước, để không bị đọa vào ba ác đạo, để tái sinh lại làm trời làm người, tích lũy nhiều kiếp mới được làm người xuất gia. Nhưng nếu người cư sĩ có nghiên cứu Phật giáo Phát triển thì có một pháp. Một pháp đó là niệm Phật để cầu sanh Tây phương, thì quý vị có thể có hy vọng liễu sanh tử trong đời này. Chớ ở tại gia mà quý vị đoạn trừ phiền não để chứng Niết-bàn thì chắc quý vị vô phần. Chúng tôi là người xuất gia mà cũng vô phần, vì khó khăn lắm.

Cho nên ở hoàn cảnh nào chúng ta có bốn phận nầy, chớ không phải danh vị hiện tại quyết định chất lượng tu tập của chúng ta. Người xuất gia, tại gia gì cũng vậy, ai theo phận nầy, mà cũng phải quyết tâm tu. Sự tu trước hết thì ai cũng biết rồi, đó là giữ giới luật cho chắc. Bởi vì có giới mới sanh định, có định mới có trí tuệ, có trí tuệ mới cắt được phiền não, chứng Thánh quả.

Điều đó ai cũng biết. Nhưng có làm, có công phu cạn hay sâu là do chúng ta thôi. Người tại gia cố gắng tu tập, ngoài vấn đề giữ gìn giới luật, quý vị cũng tụng kinh, niệm Phật, tu thiền, bố thí, cúng dường, phóng sanh, tu các việc công đức. Nhiệm vụ quý vị là hộ trì Phật pháp, hợp tác với chư Tăng, Ni. Bởi vì lãnh đạo là chư Tăng, Ni, mà đưa đạo vào đời phải là hai phái tại gia. Quý vị là người ở trong cuộc đời, quý vị đem đạo vào đời dễ dàng hơn chúng tôi. Chúng tôi mang tướng thầy tu, tướng tỷ-kheo, tỷ-kheo Ni, chúng tôi không thể thông tay vào chợ như quý vị. Vì vậy mà đạo Phật có tứ chúng.

Hôm nay, chúng ta cầu nguyện, tiễn đưa người đã chết, nhưng chúng ta phải nhìn lại mình. Nhà sư nhớ một câu cổ thi:

Ta nhìn kẻ khác chết
Trong lòng lắm xót xa
Không phải khóc kẻ chết
Vì nghĩ đến phiên ta!

Hôm nay chúng ta tiễn đưa người quá cố, mà chúng ta cũng tự nhắc nhở chính mình: Hãy tỉnh tấn lên để giải thoát, như lời đức Phật đã chỉ dạy!

Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật tác đại chứng minh!”

Trong 21 phút, hòa thượng giảng sư nói đồng đạc, thông thả, từng lời như đóng vào tai người nghe không cho rớt ra ngoài. Cách thuyết giảng này gọi là Sư tử hồng, tiếng rống của sư tử, mạnh mẽ, oai vệ, lấn át mọi tư tưởng mơ màng túy sanh mộng tử của thế nhân. Tư tưởng Liễu sanh thoát tử của hòa thượng Giác Tăng thật chánh đáng, rõ ràng, quý báu, nhưng còn là sở học chớ chưa phải là sở tu, ngài vẫn biết vậy. Nếu là sở tu, nói “Có Phật tính” là đã dư. Và tôi đã từng đọc kỹ sách *Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục* nhiều lần khi duyệt về tư tưởng Tịnh độ, nên tôi cũng thấy bài giảng này giống với lời Đại sư Ấn Quang dạy. Nó chỉ khác một chỗ: Đại sư Ấn Quang không khuyến khích xuất gia, vào thời này. Nhưng hòa thượng Giác Tăng cũng không đề cao hạnh xuất gia, ngài đã nói rất đúng: “Người xuất gia, tại gia gì cũng vậy, ai theo phận nầy, mà cũng phải quyết

tâm tu.”. Không thể do một bài pháp mà biết được tư tưởng của một nhà sư, nên tôi chú ý tìm hiểu thêm.

Do vậy cũng xong tôi theo mọi người về lại Tịnh xá Ngọc Duyên. Lúc trên xe taxi, chú tài xế hỏi thăm sức khỏe, hòa thượng Giác Tăng bảo năm nay đã 68 tuổi, chỗ ung thư hiện nay mỗi tháng mỗi lớn, không biết còn sống được bao lâu nữa. Hai sư đệ từ đi chung xe đều mong hòa thượng sống được đến 70 tuổi... Máy thầy trò nói chuyện với nhau rất cởi mở, tôi cũng bị lây cung cách đó, thôi đem một số chuyện mới tìm hiểu được kể ra. Cũng do vậy mà hòa thượng Giác Tăng đã nói một số chuyện xưa:

– Khi đức Thầy còn sống, hòa thượng Giác Lượng đã có viết tiểu sử đức Thầy, trong đó không có nhắc đến Tịnh xá Ngọc Như Nhơn. Bây giờ hòa thượng Tăng mới được nghe nói đến.

– Sư cụ Linh khi còn sa-di đã đi tu tịnh, (*Thầy vẫn cho*). Sư cụ là một tay lý luận, dù mình biết điều đó là không đúng mà không sao cãi được lập luận của sư cụ. Đoàn Thầy An hồi đó lớp lớn đa số ra tu tịnh, rồi đa số hoàn tục. Sau đó sư Giác Thường lập ra giáo đoàn tu tịnh, hai, ba chục người, sư đứng ra chịu trách nhiệm với Pháp sư để làm giấy hoãn quân dịch cho các vị. (*Pháp sư Giác Nhiên lúc đó là Tổng Trị sự trưởng của Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam.*) Khi sư Giác Thường mất, sư Giác Linh kế thừa lãnh đạo đoàn tu tịnh đó.

Đến trạm, tài xế dừng xe mua đường (*mãi lộ*), tôi hỏi:

– Bạch hòa thượng đã ở Ngọc Duyên được 50 năm chưa?

Hòa thượng Giác Tăng đáp:

– Hồi đó sư biết rồi đó, đâu có ở luôn một chỗ. Năm 1972 Giác Tăng có ở Ngọc Duyên một kỳ một năm, đến sau Giải phóng mới ở luôn đến giờ.

Tôi hỏi tiếp:

– Vậy hơn 40 năm gắn bó với Phật giáo Bình Định, hòa thượng thấy Khất Sĩ miền Trung mình đã phát triển thế nào?

Hòa thượng Tăng chậm rãi đáp:

– Bây giờ mà nhìn lại... thấy cũng chậm.

– Như địa bàn Bình Định mình hiện nay được bao nhiêu tịnh xá, hòa thượng?

– Bây giờ phải tính chớ đâu biết được. Giáo đoàn III nhiều nhất, (*hòa thượng đếm được bảy tịnh xá*), Giáo đoàn II được hai tịnh xá Tăng, Giáo đoàn V tuy không hành đạo ở đây nhưng bây giờ các vị ngoài đoàn nhập về lại thành ra có ba tịnh xá. Còn bên Ni có sáu, bảy tịnh xá gì đó. Máy tịnh thất thì không kể. Chỗ cô Sen là Ngọc gì?

– Dạ, Ngọc Như Nhơn.

– Theo sư biết thì nó là Ngọc Như thôi. Trước Giải phóng chỗ đó của đoàn La-hầu-la. Sau có bà cụ ở đó, thờ mẫu. Đến khi Giải phóng rồi có sư Giác Đồng

với sư Giác Phong về đó tu tịnh, nhưng cất cốc ở một bên thôi, chớ không ở chỗ thờ mẫu do hai mẹ con bà đó quản lý.

Như vậy tình hình hồi đó là trăm hoa đua nở, các sư cứ xin ra lập đoàn, có đoàn tu tịnh của sư Giác Thường đệ tử ngài Giác An, và có đoàn khát sĩ La-hầu-la nữa. Mà để thành một đoàn riêng thì phải có nét riêng, cơ sở riêng, địa bàn riêng, chắc vậy rồi. Tôi hỏi:

– Đoàn La-hầu-la là ai, hòa thượng?

– Mấy ông lớn hỏi trước, mình đâu có biết!

Hòa thượng Giác Tăng nói chuyện không có vẻ gì là bị ung thư sắp mất cả, mà nhanh nhẹn, sôi nổi như thanh niên. Hòa thượng hỏi tôi đi viết sử à, tôi thưa là có nhiều chi tiết các vị khác viết sách cứ lược qua, nên phải đi tìm hiểu cho rõ. Hòa thượng nhận xét:

– Tăng, Ni Bình Định nói chớ đông. Phú Yên thì ít. Nha Trang Ni ít, Tăng đông.

Tôi đáp:

– Ở Nha Trang, con thấy nhóm từ Ngọc Tòng trở ra đông, mấy vị ra lập riêng nhiều.

Hòa thượng Giác Tăng đồng ý, rồi nhận xét tiếp:

– Giáo đoàn III phát triển mạnh ở Cao nguyên, Gia Lai, Đak Lak đều mạnh.

– Con thấy Đak Lak mạnh hơn.

– Chỉ có Đak Lak mới có một hòa thượng Khất Sĩ làm Trưởng ban hai nhiệm kỳ, chớ mấy nơi khác làm gì có.

– Dạ.

– Hòa thượng Giác Dũng làm việc đắc lực, ngài dùng lòng từ nhiếp hóa, nên rất nhiều người thương mến, ủng hộ. Đám tang của ngài nổi bật nhất, đoàn di quan đưa về Nha Trang thiêu đi hơn 300 xe! Đồng bào lập bàn thờ đầy hai bên đường khi đoàn xe đi qua!

– Dạ.

Lúc này xe đã về đến cổng tịnh xá, mọi người ngưng nói chuyện để xuống xe. Hòa thượng đưa một tờ 500 ngàn cho tài xế, trả hai chuyến đi và về. Tôi lên phòng nghỉ, khoảng 3 giờ chiều xuống gặp hòa thượng ở căn phòng ngay phía sau giảng đường. Ngài không cho lễ, chỉ ghé bảo tôi ngồi nói chuyện. Thế là tôi bắt đầu hỏi hòa thượng một số việc luôn.

– Dạ, con xin hỏi hòa thượng về ngày xưa theo đức Thầy hành đạo, lúc đó có vất vả lắm không hòa thượng?

– Trò đi năm 67. Trò là lớp đệ tử áp út của đức Thầy An. Sau trò là lớp sư cụ Giác Phương ở Ngọc Quang.

– Dạ. Lớp của hòa thượng đông không?

– Bảy người, mà sau Giải phóng cũng có người đi về, như sư Giác Phong...

Tôi tiếp lời:

– Ở nhà thuốc Đặng Nguyên Đường.

Hòa thượng Giác Tăng gật đầu, nói tiếp:

– Hồi đó đệ tử lớn của Thầy An ra tu tịnh nhiều, mấy lớp nhất, nhì, ba, tư, năm đó. Giác Tăng vô còn có các sư Giác Mỹ, Giác Lượng, Giác Phát...

– Dạ. Còn ngài Giác Phải vô năm nào?

– Ngài Giác Phải nhỏ so với nhiều sư, nhưng tuổi đời lớn. Trước năm 1971 đức Thầy đã có mấy lần kêu các vị lớn về đoàn. Năm 69 ngài có kêu một lần, nhưng chỉ có sư Giác Quân về.

Tôi hỏi:

– Có phải sư Giác Quân sau ở Ngọc Long không?

Hòa thượng đáp:

– Đó, đó. Sư Giác Quân lớp lớn, đi tu tịnh ở Ban Mê Thuộc từ năm 63, 64 gì đó, năm 69 về đoàn theo lời đức Thầy kêu. Đầu năm 71, kỳ giỗ Tổ tại Ngọc Tông, Tổ đình Nam Trung, một lần nữa đức Thầy lại kêu các vị về, ngài kêu về là để ngài giao đoàn. Các vị lớn trách Thầy sao đó mà không về. Rồi trong khi họp Tăng đức Thầy nói: “Thôi trong đoàn mình chưa có trưởng lão, để tôi bầu trưởng lão, sau này ổng thế tôi. Tôi xét thấy không có ai, thôi tôi bầu sư Giác Phải làm trưởng lão.”. Ngài nói sau này chớ không phải hiện tại. Lúc đó trong cuộc họp cũng có các ngài lớn như Giác Mỹ, Giác Lượng, Giác Phát, Giác Đề... là lớp lớn còn ở trong đoàn. Trên lớp ngài Phải còn có một lớp nữa là lớp ngài Hồng tu ở Phan Thiết đó, lớp Sa-di 64.

– Dạ.

– Còn lớp ngài Phải, ngài Dũng, ngài Dưỡng là lớp Sa-di 65. Lớp này có duyên làm trưởng đoàn, kha, kha...

– Dạ, kha, kha...

– Rồi là, cái đặc biệt của giáo đoàn mà Giác Tăng nghĩ là sự lãnh đạo của trưởng đoàn đều là các vị đã có gia đình mới đi tu. Ngày xưa đức Phật, đức Tổ sư, trưởng lão Giác Tánh, rồi đức Thầy An, ngài Phải cũng vậy. Sau trưởng lão Phải chỉ định ngài Giác Phát **thử làm** trưởng đoàn mấy năm, thì ngài Phát cũng đã từng có gia đình.¹

– À, thì ra ngài Giác Phát cũng đã từng làm trưởng đoàn?

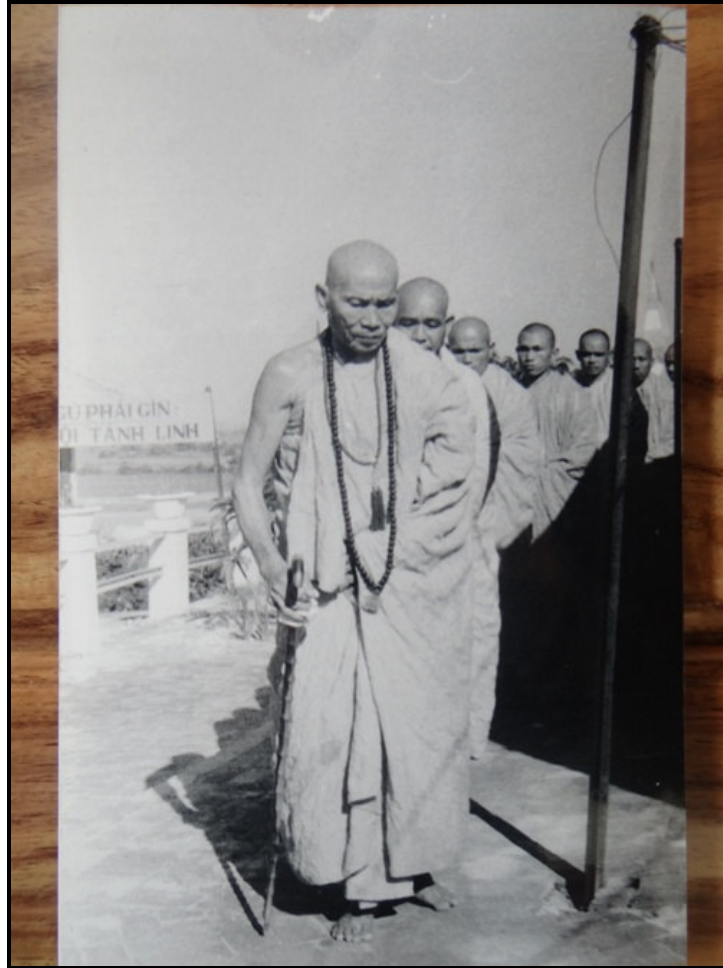
– Ồ, ngài Phát có làm một thời gian. Lúc đó ngài Phải làm cô vấn, thấy không xong nên ngài bỏ. Cho nên ngài Phát giận, thời gian đó độc lập ở Ngọc Long, không tham gia giáo đoàn nữa. Cũng vì việc đó mà trong đoàn mới bàn,

¹ Lưu ý hai từ bôi đậm, và đoạn kể dưới, thấy được tác phong của cụ Giác Phải.

nhiều vị chấp, không thừa nhận ngài Phát là trưởng đoàn III. Nhưng đã làm trưởng đoàn dù mấy ngày thì cũng là trưởng đoàn chứ?

– Dạ.

– Cho nên cuối cùng rồi vẫn ghi nhận. Năm ngài Phát xuống là năm 92... Giờ nói trưởng lão Phải đã chớ. Hồi đó đức Thầy bầu trưởng lão xong thì huynh đệ nghĩ cứ gọi “trưởng lão” thôi chớ không phân nàn gì. Nhưng đến khi đi hành đạo thì Thầy bảo trưởng lão Phải đi kế đức Thầy, ba, bốn lớp đàn anh đi sau hết. Lúc đó mới có sự rộn ràng, trong giáo đoàn có vị chống trưởng lão, nói ông là sư đệ tui, mới có một năm rưỡi tỳ-kheo mà...



Trưởng lão Giác An đi đầu, kế sau là các sư Giác Phải, Giác Phát, Giác Hay, Giác Phúc, Giác Dưỡng. (Hình sưu tầm tại Tịnh xá Phổ Hiền.)

Tôi hỏi hòa thượng Giác Tăng:

– Mà lúc đức Thầy bảo đi kế sau thì ngài Phải vẫn đi kế sau?

Hòa thượng nói:

– Vẫn đi chớ ai dám cãi. Mà chư Tăng cũng không dám cãi, chỉ chống bằng cách kiêu kia kiêu nọ thôi chớ không dám nói Thầy. Nói chung có bốn vị hay chống là ngài Hoằng, Lộc, Tôn và Hiền đã đi về rồi. Lộc, Tôn và Hiền một lớp với ngài Đăng, nhỏ hơn trưởng lão Phải.

Sư Giác Đề lớn hơn, sư nói giỡn giỡn: “Sư Phải làm trưởng lão Giác Phải thì con làm trưởng lão Tu-bồ-đề, sư Phát làm trưởng lão Xá-lợi-phất!”. Sư nói giỡn vậy thôi.

– Dạ.

– Thầy có những hiện tượng như là biết trước ngày tịch của mình, không nói thẳng ra. Lần giỗ Tổ năm 1971 đó, ngài dẫn tứ chúng đến trước bàn thờ Tổ, ngài cáo với Tổ rằng: “Con thừa lệnh Tổ hành đạo ra Trung, đã độ được tứ chúng đủ đầy. Hôm nay ngày giỗ Tổ, con dẫn tứ chúng đến ra mắt đức Tổ sư.”. Sau đó, chưa tới Tụ tứ, ngài đi hành đạo, dặn mấy ông sư nhỏ nhỏ đang sửa mấy cái nhà ở Ngọc Tòng: “Mấy ông rán làm đi, tui sẽ mời năm đoàn về đây dự khánh thành!”. Lúc đó sư Tôn tánh nóng như lửa, không dám nói trước mặt Thầy, đợi Thầy đi rồi ông nói với mấy sư: “Thầy nói gì đâu, cái nhà mình không bằng cái chuồng heo của người ta!”.

Tôi bật cười, hòa thượng Tăng giải thích:

– Nói không bằng cái chuồng heo mình thấy quá tệ, chớ hồi đó đôi diện tịnh xá có sở nuôi heo, họ cất nhà dầy dầy dài, mỗi cái gấp năm, gấp mười cái nhà của mình.

– Dạ.

– Rồi Tụ tứ năm đó Thầy tịch, di quan về Ngọc Tòng, đúng là năm giáo đoàn về đó làm lễ tang.

Từ đó, từ khi bầu trưởng lão rồi, bốn ông đó là đại diện cho những người không ưa trưởng lão, cứ chấp tuổi đạo lớn nhỏ, không thừa nhận, âm thầm chống đối. Cho đến Tụ tứ năm 1971, Thầy giải quyết mấy chuyện trong Tăng, mà chỉ có vụ đó là kéo dài. Qua khỏi 12 giờ,

– Trong một đêm hay mấy đêm, hòa thượng?

– Trong đêm rằm. Qua khỏi 12 giờ, qua ngày 16 rồi, trong chúng Tăng vẫn không đồng ý ngài Phải làm trưởng đoàn. Bấy giờ Thầy mới nói một lời khẳng định thế này, đây cũng là một lời nói trước, nói khéo: “Tui năm nay nghỉ đi hành đạo, cho nên tui tìm ông thế tui. Tui thấy trong đoàn hiện giờ không có ai, chỉ có ông Phải được, có thể thế tui lãnh đạo được. Cho nên tui bầu ông, nhưng mà mấy ông không chịu, thì thôi, bây giờ mấy ông bầu đi, coi ai được thì đưa lên.”. Hồi đó Thầy là quyền tối cao, nhưng cũng có tinh thần tập thể. Bấy giờ mấy sư thấy có ai đâu: ngài Lượng còn trẻ, ngài Phát nóng như lửa, ngài Đề cũng không được, chỉ có ngài Phải có trình độ, lại có hạnh tu. Cuối cùng thì đồng ý.

Mọi người đồng ý xong rồi, Thầy mới nói: “Vậy ông Phải là trưởng lão làm trưởng đoàn, ông Lượng làm trị sự. Trưởng đoàn lãnh đạo, trị sự bên hành đạo. Thôi, cuốn sổ cất Tăng đây, **giao hai ông dẫn đoàn** thế cho tui.”.

Hồi đó đoàn Thầy An rất là nghiêm túc. Cho nên hồi xưa Ni sư Bạch Liên năm nào Tụ tứ cũng dẫn Ni chúng về cho Thầy truyền giới, nương tựa vào giáo đoàn Thầy An.

– Vậy hả, hòa thượng?

–Ồ. Hồi đó có hai sư sa-di tên Tụ và Chơn, hay đến tịnh xá Ni trong đoàn chơi, Thầy kêu cả hai về Thầy lột y. Thầy có quyền tối cao mà.

– Dạ.

– Lúc đó Tụ tứ gần xong, Thầy nói: “Thôi, đi kêu ông Tụ, ông Chơn vào đây, hỏi có muốn được đắp y lại hay không?”. Có một sư đứng dậy đi kêu, còn Giác Tăng ngồi đó chớ không đi, thấy Thầy đang ngồi bán già, Thầy chống một chân lên thế này, Thầy vò...ò...ò đầu rồi Thầy đi.

Chuyện đức Thầy Giác An viên tịch ngay trong đêm Tụ tứ năm 1971 đã nghe nói nhiều rồi, cho nên hòa thượng Giác Tăng nói sơ vậy là tôi hiểu. Do hiểu nên tôi vẫn nói tiếp với hòa thượng Giác Tăng:

– Tức là lúc đó Tụ với Chơn chưa vào?

– Chưa vào. Nhưng mà nhờ hai ông đó còn làm tập sự, còn giữ tiền, mấy ông đi thông báo, chớ đâu có điện có đài gì.

– Dạ.

– Hai ông đi khắp các tịnh xá thông bào Thầy tịch. Cho nên lớp đệ tử út của Thầy năm đó là lớp sư cụ Phương do Pháp sư truyền giới, khi Pháp sư ra làm lễ tang cho Thầy. Chớ lúc đó trưởng đoàn còn mới quá, sẵn có Pháp sư, thôi nhờ Pháp sư truyền Tỳ-kheo, truyền Sa-di luôn.

– À, con có thấy tâm hình Pháp sư ở Ngọc Tòng, các sư đoàn III đứng xung quanh, con ngạc nhiên sao lại có cảnh đó.

– Mô Phật.

– Vậy Tụ, Chơn được thọ Sa-di là do Pháp sư?

– Không, mấy ông bị gác y, chỉ đắp y lại thôi. Còn lớp sư cụ Giác Phương mới thọ Sa-di năm đó.

– Dạ.

– Cho nên từ chỗ đó mình thấy Thầy có một vài điểm biết trước giờ ra đi.

Lâu nay trong tiểu sử đức Thầy Giác An viết chi tiết này khác, nên tôi hỏi lại hòa thượng Giác Tăng:

– Vậy đang ngồi kiết già rồi ngài co một chân lên?

–Ồ, co một chân lên rồi ngài vò đầu thế này, **vò đầu rồi bất tỉnh luôn.** Chư Tăng khiêng vô trong cốc. Hồi đó sư Đạt giới thợ mộc, sư đóng...

– Sư Giác Đạt năm đó còn ở hạ, hòa thượng?

– Sư tu tịnh, cứ tới Tụ tứ thì sư về.

Vậy có sư Giác Đạt, vị đệ tử đầu tiên của đức Thầy Giác An, mà vẫn không được bầu chọn làm lãnh đạo đoàn. Tôi quên hỏi tại sao, lo tiếp lời hòa thượng Giác Tăng:

– Dạ, đúng nghĩa tu tịnh là vậy chớ, đâu có bỏ đoàn.

–Ồ, cứ Tự tứ ở đâu là sư dẫn đệ tử về, sư có cái hay đó. Số đông các sư đều về, chỉ có vài vị bực tức Thầy không về, trong đó có ngài Luận.

– Dạ.

– Cho nên khi nghe tin Thầy chết rồi ngài hồi hận, từ Nha Trang ngài về Phan Thiết, mới lên tới cốc thứ nhất của Tịnh xá Ngọc Cát liền khóc, chu cha là khóc, khóc không ai bằng hết trơn!



Sư Giác Luận hồi trẻ, vị cao hơn.
(Hình sưu tầm tại Tịnh xá Ngọc Bửu.)

Tôi bật cười trước phiên nào của ngài Luận, hòa thượng Tăng kể tiếp:

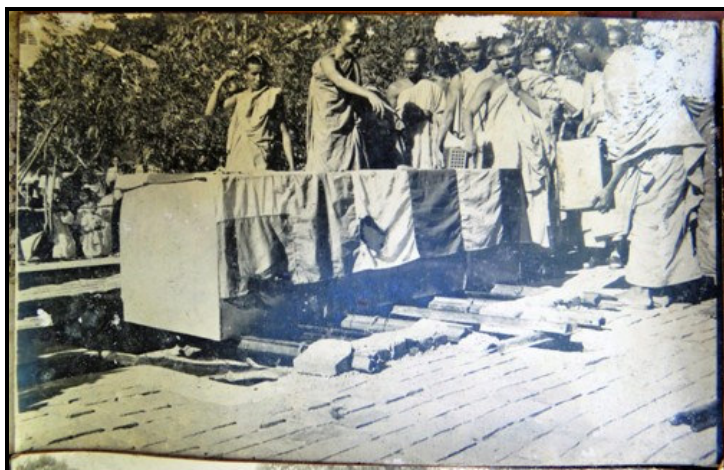
– Khóc dữ lắm. Hồi đó ngài Toàn còn trẻ, chỉ lớn hơn Giác Tăng một tuổi chớ mấy, đi theo làm thị giả cho Pháp sư. Năm đó Thầy tịch ở Ngọc Cát, Phật tử làm rùm beng lắm. Họ nói đức Thầy mở đạo từ đây, viên tịch ở đây, thì thiêu ở đây, không đưa đi đâu hết!

– Dạ.

– Cái lý của họ là vậy. Nhưng mình có di chúc của đức Thầy là đưa về Tổ đình Nam Trung.

– Ngài nói hồi nào?

– Ngài nói với chư Tăng hồi sanh tiền, ai cũng biết. Cho nên Tăng chúng quyết định là di quan về Ngọc Tòng, không để ở Ngọc Cát. Hồi đó ngài Lượng lý luận dữ lắm, mà họ vẫn chưa chịu. Cho đến khi Pháp sư ra, Pháp sư la, họ mới chịu nghe.



Pháp sư Giác Nhiên đang cầm máy hướng dẫn chư Tăng chuẩn bị hỏa đài thiêu nhục thân cố trưởng lão Giác An. (Hình sưu tầm ở Tịnh xá Ngọc Tông, mười mấy tấm dán chung vào một khung hình lớn.)



Tang lễ ngài Giác An tại Tổ đình Nam Trung
(Hình sưu tầm ở Tịnh xá Ngọc Tông, mười mấy tấm dán chung vào một khung hình lớn.)

Tôi bật cười vì người ta giành cái xác của trưởng lão Giác An. Hòa thượng Giác Tăng cũng cười vì cảnh người ta chịu thua Pháp sư. Hòa thượng kể tiếp:

– Cho nên di quan về Ngọc Tông làm lễ tang, mà đầu năm ngài đã nói “Tui thỉnh năm đoàn về làm lễ” đó.

– Dạ.

– Hồi đó ngài Lượng làm điệu văn rất là buồn. Đọc điệu văn lên lúc làm lễ, bên Ni với Phật tử ai cũng khóc. Giác Tăng cũng buồn dữ lắm nhưng kiềm chế được chớ không khóc.

– Ngài Lượng hay ngài Luận?

– Lượng, chớ không phải Luận. Rồi đương khóc ồ ồ vậy, hết điệu văn vẫn khóc, lúc đó ngài Toàn làm xướng ngôn, còn trẻ, mắt ông trắng hoác, nói chẳng chẳng vậy, ai cũng im ru hết! Ông trợn mắt lên nói tới bây giờ vẫn còn ấn tượng trong Giác Tăng nè.

– Ngài Giác Toàn hả, hòa thượng?

– Ngài Toàn!

– Ôm, cao trung bình, đen.

– Ồ, mà giọng nói thì chẳng chẳng, nghe tự nhiên buồn phiền gì cũng dừng lại. Hồi đó ngài Toàn làm xướng ngôn hay, nên đi đâu Pháp sư cũng dẫn theo.

– Dạ.

– Hồi đó Pháp sư không làm Tổng Trị sự trưởng nữa, **khi các đoàn hợp lại**, ngài làm gì nè...

– Làm Viện trưởng Viện hành đạo.

– Ồ. Ngài Giác Tánh làm Tăng chủ, còn Phó Tăng chủ là ai nè...

– Ngài An, ngài Lý, hòa thượng.

– Không, ngài Như làm Đệ nhất Phó Tăng chủ, còn ngài An làm Đệ nhị Phó Tăng chủ.

– Dạ.

Nhưng hòa thượng Tăng phân vân:

– Không biết đệ nhất là ai đây?

Tôi gợi ý:

– Hay ngài Giác Trụ, hòa thượng?

– Không, trưởng lão Giác Trụ không làm việc trong giáo hội. Đệ nhất là vị nào đó lớn hơn ngài An.

– Theo con biết thì ngài Giác Như không có làm.

– Hồi đó lễ tang đức Thầy An năm đoàn có về, nhưng ba vị lớn nhất không về. Lúc thiêu đơn giản, chỉ chất củi, đổ dầu, rồi Pháp sư, đức Thầy Lý, trưởng lão Phải, ba vị cầm ba cây đuốc dúi vô một lần, sao nổ cái rầm, như tiếng pháo to, lửa bùng lên! Lúc đó cũng long trọng hung.

– Dạ. Đốt bao lâu thì tàn, hòa thượng?

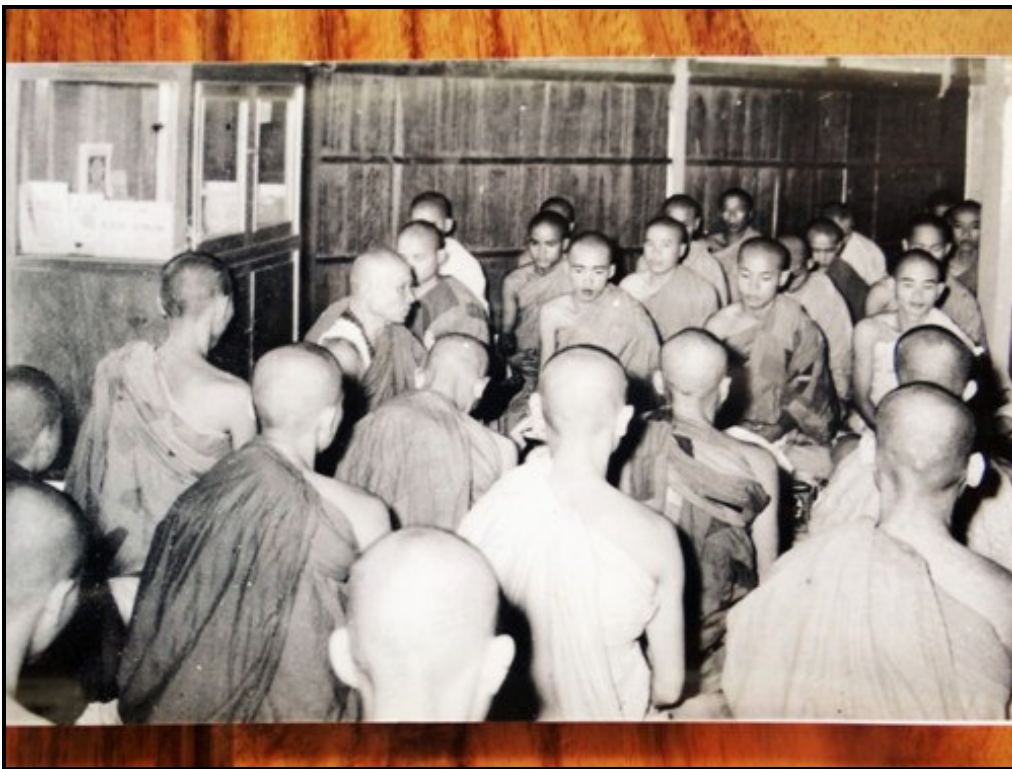
– Tự vì củi nhiều, cho nên ngày hôm đó, qua một đêm, tới chiều hôm sau mới bơi ra lấy hài cốt, xá-lợi.

– Lúc làm lễ là mấy giờ?

– Tám giờ. Từ lúc tịch đến khi làm lễ là tám, à chín ngày, cửu nhật. Hồi đó di quan, Pháp sư làm trưởng đoàn, di chuyển từ Phan Thiết đến Nha Trang.

– Qua khỏi đèo Rù Rì, đến Ngọc Tòng. Đi một đoàn dài chắc hoành tráng lắm?

– Hồi đó còn chiến tranh chớ đâu phải như bây giờ. Bây giờ đám tang ngài Dũng, di quan đi tới 300 chiếc xe!



Trưởng lão Giác An đang giáo huấn chư Tăng đệ tử.
 Ngồi đối diện, hàng đầu kế Thầy An là Giác Đạt, tới Giác Vinh, Giác Hùng, Giác Chiến.
 Khoảng hơn 30 vị ngồi hai bên ngài, đa phần đều tuổi thanh niên.
 Cảnh như vị cha già giữa đàn con trai của mình.

(Hình sưu tầm tại Tịnh xá Phổ Hiền.)



Trưởng lão Giác An và các đệ tử lưu ảnh nhân ngày Vu-lan Báo hiếu, năm ---.
 Đứng phía sau ngài gần 40 vị sư, đa phần tuổi thanh niên.
 Hàng đầu, từ trái qua: Giảng, Hiến, Biên, Nga, Thầy An, Kiên, Hữu, Phát, Dưỡng.

Tôi hỏi chuyện khác:

– Máy năm hòa thượng theo đức Thầy đi hành đạo thì sao, hòa thượng?

– Hồi đó Tăng trong đoàn ít.

– Tăng trong đoàn được năm chục không, hòa thượng?

– Được ba, bốn chục. Chưa tính Ni, Ni được Thầy thành lập năm 68.

– Dạ. Nhóm đầu tiên là nhóm đệ tử bà Ngân qua.

– Hồi trẻ mấy vị ở bên đó, chắc chịu không nổi nên qua, năm, sáu vị gì đó.

– Dạ, bà Ngân nghiêm. Qua lần đầu sáu vị, sau thêm bốn là mười. Mà thật ra đức Thầy An có đệ tử Ni đầu tiên là sư bà Tứ Liên ở Ngọc Châu – Hội An, rồi đức Thầy giao cho bên Ni trưởng Bạch sớm. Đây là hòa thượng Giác Ngộ kể.

– Giác Tăng là đệ tử kẻ út, cho nên những chuyện quá khứ cũng tìm hiểu lại chớ mình không có chứng kiến.

– Dạ. Thời gian hòa thượng theo đức Thầy là mấy năm?

– Bốn năm.

– Hôm bữa con gặp ông Thiện Tôn gần Tịnh xá Ngọc Long. Ông kể hồi đó mỗi lần Thầy về Ngọc Long là có một sư đi theo Thầy, chớ không đi một mình.

– Hồi đó phải có một sư theo, nếu không thì cũng phải có một tập sự. Như năm 68 con Thầy chết, từ Ngọc Tông Thầy dẫn sư Hiền với Giác Tăng lúc đó còn tập sự vô thăm. Lúc đó Pháp sư đang ở tù, cơm khô mà nó nói lương khô...

– Dạ, nhóm Tâm Châu tìm cách hại Pháp sư. Chính mấy sĩ quan cảnh sát nói với ngài Giác Ngộ là “Cấp trên của mấy ông ra lệnh làm chớ đâu phải do bên này.”.

– Hồi đó là lần đầu tiên Giác Tăng biết Sài Gòn.

– Dạ. Hồi đó tác phong của ngài An thế nào, hòa thượng?

– Ngài có cái đặc điểm hay lắm. Giác Tăng nhớ hai điều, một là cái hạnh của ngài, hình như ngài không có cái gì phải nôn nóng, đi lúc nào cũng nhẹ nhàng, thanh thoi. Tướng ngài là tướng võ, tướng to, cao, mà đi rất là nghiêm trang. Hai, là Thầy có tư tưởng linh động, không cố chấp. Hồi đó khát sĩ không lao động, không cuốc đất, chỉ lo tu thôi.

– Dạ, không có sĩ, nông, công, thương và binh.

– Do chấp nên không làm công quả, cỏ mọc đầy hết, Thầy quở. Thầy nói mấy ông tu gì mà để cỏ mọc đầy hết, tìm không ra ông sư! Không chấp tác việc chùa Thầy cũng quở, mà chỉ lo làm không lo tu Thầy cũng quở. Nói chung là Thầy có hạnh uyển chuyển, tùy duyên, dạy đệ tử không cố chấp. Đó là Giác Tăng cảm nhận được hai điều đó.

– Dạ.

– Với mấy sư nào vi phạm lắm thì Thầy kêu Thầy quở, quở rồi Thầy vỗ về, an ủi, chứ không phải bỏ luôn. Thầy rất thương đệ tử.

– Dạ.

– Cho nên Thầy nghĩ cái chung, kêu gọi các vị về Tự tứ, chẳng ai chịu về. Rốt cuộc các vị tu tịnh đâu còn ai.

– Tại các vị không về chớ. Tu tịnh đâu có nghĩa là bỏ đoàn, những khi đoàn sinh hoạt chung thì vẫn phải về.

– Tức là tu tịnh dưới sự chứng minh, cho phép của Thầy. Còn không cho mà tự ý đi là khác.

– Dạ đúng. Như vậy tính hết số đệ tử ngài An khoảng bao nhiêu, hòa thượng?

– Hồi đó đông lắm, hết lớp này đến lớp kia, mà Giác Tăng đâu nhớ. Bây giờ để hỏi ngài Chiến.

– Hôm qua con cũng hỏi ngài Chiến mà ngài không nói được gì.

– Vậy chắc ngài Hùng... Ngài Chiến xuất gia năm 62, sáu tháng sau thọ Sa-di.

– Dạ, cho thọ sớm để có y bát đi khất thực.

– Thọ Sa-di sớm, còn Tỳ-kheo Thầy quy định đến bốn năm.

– Vậy hử, hòa thượng? Bên đoàn Pháp sư chỉ có hai năm.

– Như Giác Tăng thọ sa-di 70, đến 74 mới thọ Tỳ-kheo. Sau này theo Hệ phái thì còn ba năm.



Thầy có tư tưởng linh động, không cố chấp.

(Ngài đeo râu chuối to, chống gậy, đầu trần, chân không, chẳng giống vị Tăng nào đương thời, kể cả Khất Sĩ, Bắc tông, Nam tông Phật giáo. Nhưng ngài đi rất trang nghiêm. Hình sư tư tưởng tại Tịnh xá Ngọc Bửu.)

Tôi hỏi lại chuyện đã nói:

– Như vậy ngài An cũng phân công vị thì lãnh đạo, vị thì cắt Tăng, mọi việc trong chúng... hả, hòa thượng?

Hòa thượng Tăng xởi lời:

– Ồ, xong hết rồi ngài vò đầu ngài đi.

– Rồi khi dạy tu cho chúng ngài dạy thế nào, hòa thượng?

– Ngài dạy... thì, rất đơn giản. Ví dụ dạy chung, ngài dạy phải trì giới Tỳ-kheo, rồi ngài dạy pháp hành nhiều hơn, phải hiểu thông và hành trì qua Tứ y pháp... Hồi đó ngài không cho học văn hóa. Còn dạy riêng thì mỗi người sống với ngài có cái gì đó...

Vậy là không có gì đặc biệt, ngoài thân giáo. Tôi hỏi tiếp:

– Đó là ngài Giác An, còn ngài Giác Phải thì sao, hòa thượng?

Hòa thượng Tăng đáp:

– Ngài Giác Phải thì, nói chung hồi đó các ngài lãnh đạo đa số nghiêm trì giới luật. Ngài Giác Phải thì vừa nghiêm, mà vừa từ.

Nghiêm là đức của cha, từ là đức của mẹ. Người xưa nói “Hai đáng từ nghiêm” là chỉ hai đáng mẹ cha. Trưởng lão Giác Phải làm người lãnh đạo giáo đoàn, ngài có được đức tính của cả cha và mẹ. Lúc đó chợt nhớ lại nhận xét của một sư cô, tôi nói:

– Con thấy vẻ mặt ông cụ giống như ông tiên.

Hòa thượng Giác Tăng bật cười đồng ý:

– Ngài thương chúng. Hồi đó lập Ni đức Thầy cũng chú ý quan tâm đến Ni. Trưởng lão kế thừa cũng quan tâm cho Ni. Chỉ có ngài Phùng bây giờ ở đó cứ la Ni suốt, cứ động với Tịnh độ Ni giới hoài.

– Dạ.

– Ngài Phải thì mình sai là ngài chỉ, chứ không có cái tâm ghét.

– Khi mà ngài lãnh đạo thì có bị trắc trở gì không, hòa thượng?

– Lúc đầu còn ngài Lượng, việc hành đạo ngài giao cho ngài Lượng điều hành, ngài chỉ chứng minh. Cho nên lần đầu tiên các vị lãnh đạo đoàn vô hợp trong đó, mấy vị sắp chỗ ngồi đã sắp ngài Phải ngồi ót ở sau, do sắp theo tuổi đạo. Ngài Lượng đấu tranh, ngài nói “Ót ở sau là ót sau hàng trưởng đoàn, bởi vì tuy ngài tuổi hạ thấp nhưng mà ngài là trưởng Đoàn III.”. Nên mới sắp ngài Phải ngồi trên.

– Dạ, ngài Lượng nói đúng.

– Từ đó đại diện đi họp đều do ngài Lượng, ngài Phải ít đi. Ngài Lượng năng nổ, hoạt động mặt này mặt kia đủ thứ. Ngài rảnh nhiều việc, mà lý luận cũng vững. Cho nên mấy vị tu tịnh về giành đoàn đều do ngài cãi hết.

Tôi thốt lên:

– Lúc Thầy kêu không về, Thầy mất rồi lại về như vậy!

Hòa thượng Giác Tăng nói:

– Ngài Linh dẫn cả đoàn tu tịnh về, ngài Giáo nữa, do ngài Lượng vững chớ không ai... Trưởng lão Phải hỏi đó không có ngài Lượng thôi chớ... cũng khó!

Nói chớ còn giáo hội, các sư tu tịnh đâu thể lộng quyền ở đoàn Thầy An được. Hòa thượng Tăng kể tiếp:

– Sau này, ngài Lượng đi rồi,

– Ngài đi năm nào? Con biết là sau Giải phóng, mà năm nào, hòa thượng?

– Không nhớ nữa. Từ đó trưởng lão trực tiếp quản lý luôn chớ không giao trị sự.

Lúc đó có cô Phật tử dẫn con vào cúng dường hòa thượng trụ trì Ngọc Duyên, hòa thượng quay qua nhận và chúc lành rồi nói: “Thôi con lên lễ Phật đi, nghe, để sư nói chuyện với ông đại đức này một chút.”. Họ đi ra, tôi lặp lại câu vừa nói:

– Như vậy là ngài Phải biết tùy duyên, hòa thượng.

– Ngài biết uyển chuyển. Có lẽ ngài thấy ngài Lượng tuổi đạo lớn mà biết khiêm nhường, cung kính ngài, nên ngài cũng nể trọng lại. Nói chung ngài khéo léo lắm.

– Dạ.

Nhưng tôi lại nghĩ, ngài An giao đoàn cho hai người chớ không giao cho một người. Nên khi sư Giác Lượng đi Mỹ rồi thì sư trưởng đoàn phải phối hợp với vị trị sự mới. Hòa thượng Giác Tăng vẫn kể tiếp:

– Cho nên hòa thượng Thiện Bình thương lắm.

– Hòa thượng ở Nha Trang.

– Ngài làm Trưởng ban Trị sự Nha Trang mấy nhiệm kỳ mà.

Tôi hỏi chuyện khác:

– Như vậy làm tới hai cái tháp hải, hòa thượng?

– Hai cái, ở Ngọc Cát với Ngọc Tòng, chia xá-lợi...

– Làm cùng năm?

– Chắc Ngọc Cát sau quá, bởi Ngọc Tòng là điểm chính.

– Rồi cốt chia làm hai?

– Chia một ít cho Ngọc Cát, phần lớn là Ngọc Tòng.

- Vậy ngài Phải trực tiếp lãnh đạo, sau khi ngài Lượng đi?
- Ngài Phải trực tiếp làm. Hồi đó ngài Dũng là trị sự, mà **làm cho có** thôi, ngài trưởng lão làm hết. Còn bên văn thư này nọ thì hồi đó có ban thư ký.
- Nhắc đến ban thư ký, tôi thưa:
- Hồi con ở trên Ngọc Đà, trong cốc sư nào đó nhường cho con nghỉ tạm, con thấy có mấy quyển hồi xưa của Đoàn III làm, tuyển tập văn thơ gì đó.
- Bây giờ ngài Lượng nhấn về bảo quý sư tìm cho ông quyển *10 Ngày Đức Thầy Tu Tịnh*. Đức Thầy An có tu tịnh 10 ngày ở Tịnh xá Ngọc Đà.
- Quyển đó ai viết, hòa thượng?
- Ngài Lượng viết.
- Vậy Đoàn III trước Giải phóng so với các đoàn kia thì tương đối yếu hơn hả, hòa thượng?
- So với Đoàn IV thì yếu, chứ các đoàn kia cũng đâu có mạnh gì hơn.
- Dạ.
- Giáo đoàn III mạnh lên kể từ ngày ngài Dũng lãnh đạo.
- Ngài Phải lãnh đạo tới năm chín mấy, hòa thượng?
- Năm 96 ngài còn làm cố vấn cho ngài Phúc. Năm 92 đã bầu ngài Phúc lên.
- Vậy bầu em lên thì có bị dị nghị gì không, hòa thượng?
- Có một cái vui thế này: Trước kia đức Thầy là tối cao đã bầu ngài Phải lên, còn sau này đều lấy ý kiến chung để bầu. Ngài Phát là do trưởng lão chỉ định thử, chứ ông còn quản lý, một năm, hai năm gì đó không được thì bầu lại. Lúc bầu lại ngài Phát ở luôn Ngọc Long, không tham gia. Ngài Phát nóng quá, vì nóng mà sanh ra khắc khẩu.
- Dạ, lãnh đạo như vậy thì không được (*tuy rằng ngài Phát tốt*).
- Tự tứ năm 92 ở Gia Lai mới bầu lại. Bây giờ chỉ còn lớp lớn nhất là lớp trưởng lão Phải chứ không còn ai. Lớp đó có ngài Phải, Phúc, Toại, Dũng, Dưỡng. Cảm tình lúc đó thì ngài Dũng đặc nhân tâm của chúng hơn. Rồi trong cuộc họp cử trưởng đoàn và hai phó đoàn, ngài Phúc gạt ngài Dũng ra, lúc đó đang làm trưởng ban trị sự. Ông nói: “Sao ông Dũng từ bi quá, ông không làm trưởng đoàn được đâu!”.



Từ trái qua là các sư: Giác Quý, Giác Hùng, Giác Biên, Giác Hoằng, Giác Toại, Giác Dưỡng.

(Hình sư tại Tịnh xá Ngọc Bửu.)

Tôi hỏi:

– Ngài Phúc nói vậy?

Hòa thượng Tăng vừa cười vừa nói:

– Ngài Phúc nói vậy. Ông dùng từ “Tự bi” không đúng chỗ. Ý nói hiền quá, không thẳng thắn được, cứ xiu xiu ỉn ỉn. Vô tình ông đã nói đúng cái tính của ngài Dũng. Cho nên ngài Dũng cười, nói: “Thôi con làm trị sự được rồi, khỏi ứng cử.”. Ngài Dũng hiền lắm. Vậy nên còn lại ba vị là Phúc, Toại, Dưỡng, bầu cho ngài Phúc làm trưởng đoàn, ngài Dưỡng làm phó thủ nhất, ngài Toại làm phó thứ hai. Từ đó đến năm 2001.

– Dạ.

– Mà ngài Phải năm 96 tịch, ngài Dưỡng năm 94, năm 93 ngài Toại. Còn ngài Phúc tịch năm 2001. Sau đó ngài Dũng từ trị sự qua làm trưởng đoàn luôn thì phải, không có bầu, mặc nhiên thừa nhận luôn.

– Lúc đó ngài Đăng với ngài Thảo thì sao?

– Hai ngài là lớp sau, nên bầu thêm làm phó đoàn, trong lúc ngài Dũng làm trưởng đoàn. Ngài Đăng là đệ nhất phó, ngài Thảo là đệ nhị phó.

– Dạ.

– Đến khi mấy ngài tịch rồi là nghỉ luôn. Thứ nhất là trưởng đoàn cũng như là dạng cá nhân lãnh đạo, còn ban trị sự là tập thể lãnh đạo. Cá nhân lãnh đạo

phải là người đủ khả năng mới đi lên được, còn không có khả năng thì dễ thất bại. Bởi xét vậy cho nên bầu ban trị sự cho rồi, trưởng đoàn tới đó là chấm dứt.

Tới lúc này tôi thưa, sau 57 phút đã phỏng vấn:

– Bạch hòa thượng, đó là con thỉnh ý hòa thượng về mặt lịch sử. Còn về mặt giáo pháp, như câu “Nổi truyền Thích-ca Chánh pháp”, thì theo hòa thượng thế nào là Chánh pháp?

Hòa thượng Giác Tăng đáp:

– Đọc trong *Chơn Lý*, thì Chánh pháp là Tổ chỉ cho Tứ y pháp...

Tôi nói liền:

– Bài đó, kết thúc bài Tổ có giảng một câu: Dụng ý bài này là để kêu gọi sống chung tu học, không có chia rẽ Đại thừa, Tiểu thừa nữa.

Hòa thượng Giác Tăng thông thả nói tiếp:

– Theo Giác Tăng nhận thức đó, thì pháp nào của đức Phật dạy cũng đều là Chánh pháp cả. Nhưng chúng ta, giai đoạn bây giờ là có pháp học, mà không có pháp hành. Chúng ta không thật hành, không tu, chúng ta tu ít mà nói nhiều. Phải không? Pháp hành thì dĩ nhiên phải tương quan với hạnh Khất sĩ, dù là sự hay lý. Nếu nói thẳng thừng ra thì pháp Khất sĩ mới là Chánh pháp. Khất sĩ ở đây không phải là giáo đoàn Khất sĩ, mà là nguyên lý Khất sĩ.

Tôi đồng ý:

– Dạ, mình đang nói về giáo pháp, chứ không phải nói về tổ chức Khất sĩ.

Hòa thượng nói tiếp:

– Cho nên chính nguyên lý Khất sĩ đó mới gọi là Chơn lý, là Chánh pháp. Tổ chức Khất sĩ mình có triển khai từ nguyên lý đó hay không, thế thôi. Nếu chúng ta sống thuận theo sự tiến hóa như thế, sống theo sự sống chung của vũ trụ vạn hữu, của hiện tượng giới như thế, thì chúng ta là khất sĩ y theo chơn lý. Nhưng vì không có nên mới có lãnh đạo, mới có Tăng đoàn, mới có giáo pháp. Chớ theo Giác Tăng thì nguyên lý Khất sĩ của trời đất đó là như vậy, hiện thì thành hình tướng, chớ không phải mặt lý thuyết không.

Nói “Pháp nào của đức Phật dạy cũng đều là Chánh pháp cả”, thì điều này đức Tổ sư đã có phê phán trong *Chơn Lý*. Lúc đó thời gian không có nhiều nên tôi ghi nhận những phát biểu trên của hòa thượng, không tranh luận thêm, mà hỏi tiếp:

– Đó là Chánh pháp, còn Nổi truyền, hòa thượng?

– Nổi truyền là bởi vì... biểu thị tư tưởng Chánh pháp đó là thời đức Phật, ngài biểu thị rất là rõ ràng đầy đủ. Ngài biểu thị qua hình ảnh của Tăng đoàn, qua đời sống của người du hành, qua đời sống chung. Phương pháp khất sĩ là khất thực, y bát, vào thời của ngài thì đó là điểm nổi bật, Tăng đoàn cũng nương vào đó tu tập, kết quả nhiều hơn. Nhưng rồi pháp đó bị mai một đi, cho nên đức Tổ nổi truyền là phát huy lại đường lối mà ngày xưa đức Phật đã làm. Bị mai một, bị lai, trong *Chơn Lý* Tổ nói cây mít lai.

– Dạ.

– Bây giờ ngài trở lại đường lối đó, khai sáng lên, mặc dù là tiếp nối cái xưa mà vẫn có cái nay của ngài, đó là dung nạp giữa Nam truyền và Bắc truyền. Đặc biệt nhất của *Chơn Lý* của ngài là vậy.

Khoảng hai năm qua tôi đã tỏ ngộ được một đạo lý: **Nói Giáo pháp Khất sĩ là dung nạp giữa Nam truyền với Bắc truyền là sai.** Khi nghe hòa thượng Giác Tăng, vị đứng đầu Giáo đoàn III hiện nay, nói thế, tôi trầm giọng đề đặt hỏi:

– Ngài dung nạp giữa Nam truyền và Bắc truyền?

Hòa thượng Giác Tăng đáp:

– Ồ, lập ra đường lối Khất sĩ của ngài hôm nay. Mặc dầu là trở về với Nguyên thủy, không phân chia ra thừa, như hồi thời Phật. Nó hàm chứa tất cả các thừa trong đó.

– Dạ, tùy duyên Phật dạy thôi.

– Tùy duyên Phật dạy chứ không chia rẽ tông phái. Cho nên Tổ dung nạp, có những cái ngài lấy của Nam truyền, có những cái ngài lấy của Bắc truyền. Ngài mượn những cái sự cho người ta có thể thấy được, đó là những hình ảnh mà có thể tồn tại và phát triển trong thế kỷ XX, XXI này được.

– Dạ.

– Chớ còn theo một chiều thì không xong. Có cái là mình có đủ bản lĩnh để phát huy tư tưởng của Tổ không.

Tôi tiếp tục mạnh dạn trình bày:

– Con xin phép đặt vấn đề thế này, hòa thượng. Về hai chữ “Nói truyền”, thì Tổ sư đã nói truyền, còn như người sau đã nói truyền được chưa, hòa thượng?

– Người sau hả? Hừm, bây giờ mình...

Tôi nói luôn:

– Hay nói thẳng hơn, thì bậc A-la-hán đã nói truyền được chưa? Hay hàng phàm Tăng đã nói truyền được chưa?

– Bây giờ, mình nói theo tư tưởng Khất sĩ đi, chớ bên Nam tông thì A-la-hán là hết địa vị rồi. Trong bài *Khất Sĩ* mà Tổ dạy, ngài có đưa ra ba giáo pháp: Khất sĩ Thanh văn, Khất sĩ Duyên giác, Khất sĩ Bồ-tát. Thật tập ba giáo pháp đó đều là nói truyền. Mặc dầu là Thanh văn, thì nói truyền theo cấp bậc Thanh văn vẫn là nói truyền. Thật hành hạnh Duyên giác khất sĩ, hạnh Bồ-tát khất sĩ vẫn là nói truyền, nói truyền theo thứ bậc.

– Dạ.

– Còn như mình xét, thì mình là hàng Thanh văn, hữu học. **Nói truyền của mình là vậy đấy: Thanh văn hữu học!** Mình còn phải học tập, còn phải tu luyện, còn phải thế này thế khác, theo thời đại nữa. Cho nên từ chỗ đó, nếu ai tìm hiểu được, phát huy được thì tốt, còn không khéo thì bị thời đại làm cho mai một, càng lai nhiều hơn. Khất Sĩ bây giờ nhìn thấy đã lai nhiều, nhất là giai đoạn web,

mạng đủ thứ đó. Những người biết tu, biết dùng thì nó giúp vấn đề truyền bá rất đắc lực; còn không biết thì nó nguy hiểm nhiều mặt.

Thành thử Khất Sĩ trong giai đoạn của mình đây so với thời xưa đã khác. Hồi xưa các ngài lãnh đạo không có chú ý đến sự học nhiều, chỉ chú ý đến hạnh tu.

– Dạ, đúng theo tinh thần của Tổ.

– Bây giờ, sau Giải phóng hòa nhập vào Giáo hội Phật giáo Việt Nam rồi, môi trường hành đạo như ngày xưa không có nữa. Thành ra buộc mình không có gia đình mà thành ra có gia đình, tức là mình không có cha mẹ, vợ con rồi, lại có chùa chiền, thầy trò, bốn đạo.

– Dạ.

– Rồi không khéo vẫn còn danh, vẫn còn lợi, do ở một chỗ, có đệ tử riêng. Hồi xưa tất cả đều tập trung, đức Thầy là thầy chung hết, ngài nhận tập sự này nọ thì giao các sư đỡ đầu...

– Vậy thì bạch hòa thượng, giai đoạn mới giải phóng đến năm 90, mười lăm năm đó nói như vậy thì được, còn bây giờ khác mà?

– Bây giờ mình có quyền chủ động hơn, có một cái là môi trường xã hội lại mạnh mẽ hơn, ở nhiều lãnh vực khác, cho nên mình đi trở lại thời nguyên thủy thì hơi khó! Chẳng hạn vậy nè, Giác Tăng bệnh đau ở một chỗ, không có tham gia Hệ phái, nhưng có một lần đi họp, thấy nêu ra vấn đề điện thoại: Chỉ có trụ trì mới được quyền sử dụng, hoặc các tỷ-kheo có làm việc trong giáo hội các cấp mới được dùng điện thoại di động. Còn ngoài ra chỉ được sử dụng điện thoại bàn. Nhưng mà đâu có áp dụng được.

Bây giờ điện thoại di động biến thành loại cảm ứng, quẹt quẹt, đủ thứ. Mình đưa điều đó ra mà mình không có một giáo quyền, không quyết định, nên rồi không có ai nghe.

– Như vậy tại giáo đoàn mình không hành chớ?

– Thì chớ sao nữa, Hệ phái đưa ra mà giáo đoàn không làm!

– Tức là cái chung thì vẫn thống nhất, mà đến hành thì mỗi đoàn...

Hòa thượng Tăng nói át:

– Đó, đó, do hoàn cảnh. Thành ra có giai đoạn mấy sa-di Giác Bồn, Giác Phước thì Giác Tăng không cho, thành ra mấy ổng **phải** lên. Có hồi mấy ổng chun vô nhà tắm gọi điện thoại, thôi cho mấy ổng cho rồi, để lên cũng vậy, quan trọng là do ý thức đó chớ.

– Vậy bây giờ nói cụ thể hơn nữa, hòa thượng. Bây giờ thời buổi đã thoáng, mình đã có quyền chủ động để làm, như cái đơn giản nhất là không giữ tiền, bây giờ mình làm đi.

– Bây giờ, nếu ví dụ như, mình quyết định...

Tôi nói nhanh:

– Không giữ tiền không phải chỉ ở mức cá nhân, mà không giữ tiền là cái thùng phước sương cũng không có.

– Nếu có thì ban quản lý họ quản lý,

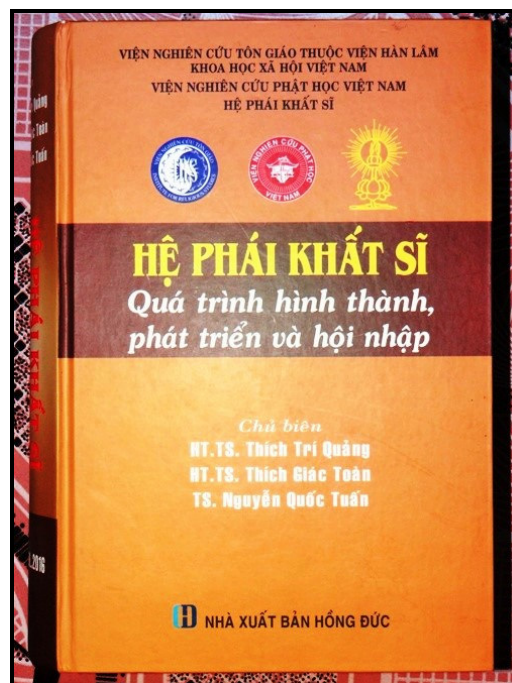
– Dạ, chính vì cái thùng phước sương mà mình phải khóa kín chánh điện, mình phải mệt mỏi với nó! Không có thùng phước sương thì nhà chánh điện sẽ đúng như ngày xưa, thoải mái,

– Không, chánh điện Giác Tăng đây không phải thùng phước sương mà do mấy cái đèn đồng! Khá khá...

– Dạ, bọn nó nghiệt lắm, nó nhè ba cái đồ đồng chôm.

Hòa thượng cười phát ho, ho mấy tiếng rồi ngài nói:

– Thôi bây giờ xin phép đại đức nghe, Giác Tăng ngồi lâu mệt, nãy giờ nói nhiều vậy là giỏi rồi. Có tinh thần tìm hiểu vậy là quý quá rồi! Biết đâu là một nhà sử học của Khất Sĩ.



Tập văn Hội thảo 60 năm về Hệ phái Khất Sĩ

Lúc đó là phút 69, ông cụ đã bàn, nói, trao đổi nhiệt tình, tuy thân mang trọng bệnh bao năm qua. Tôi thưa:

– Thịnh hòa thượng nằm đi. Con cảm ơn hòa thượng. Con không nghĩ là mình viết sử, mà con muốn làm sáng tỏ giáo pháp.

– Rồi, rồi. Giác Tăng có đọc quyển hội thảo 60 năm Tổ vắng bóng, mới đọc được hai phần ba, trong đó có lưu ý một bài sử của tác giả Hành Vân. Hôm bữa Giác Tăng có hỏi Giác Hoàng: “Hành Vân là ai?”, Giác Hoàng nói sư gì đó đệ tử ngài Ngộ. Sư biết Hành Vân là ai không?

– Dạ, là con.

– Ủa, sư đó hả? Hèn nào! Trong đó có những nghiên cứu mới, chẳng hạn như...

Hòa thượng nêu ra bốn điều, chứng tỏ ngài đã đọc sách kỹ. Tới điều thứ năm, ngài nói:

– Trong đó sư vẫn không phủ nhận thông tin Tổ nói pháp hiệu của mình là từ đức Phật A-di-đà cho. Cái đó mới khóa tu vừa rồi của Hệ phái mấy ngài bỏ. Nhưng bỏ cái đây được nè, bỏ từ “ứng mộng” đó.

– Cái từ đó là của Hàn Ôn.

– Của Hàn Ôn, bỏ từ đó thì được. Còn nói: “Tại sao Tổ nổi truyền Thích-ca Chánh pháp mà lại được Phật A-di-đà thọ ký?”, thì Giác Tăng nghĩ theo lý. Theo Tổ, các vị Phật, các vị Bồ-tát đều là pháp lý, pháp lý mới là thật, còn sự là tùy theo nhân duyên thôi. Nên cái từ “Minh Đăng Quang” phải là từ “A-di-đà” mới hợp. Vì A-di-đà là Vô lượng quang,

– Dạ, có 12 quang lộ, cái cuối là Siêu nhật nguyệt quang.

– Nên thành Minh đăng quang mới hay! Còn Thích-ca Mâu-ni là Năng nhân Tịch mặc mà.

– Dạ đúng vậy. Tổ nói có đạo lý.

– Minh không thấy đạo lý, chỉ thấy hiện tượng, rồi mình bỏ này nọ thì mình chưa hiểu đúng. Nếu nó là sự thật thì phải hiểu là sự thật, chưa chắc là dở theo ý của mình. Nếu mà có ý kiến thì Giác Tăng có ý kiến như vậy.

– Dạ.

Hòa thượng Giác Tăng đã nêu lên ý kiến chưa có dịp phát biểu của ngài. Nhưng theo bài viết của tôi, ý kiến đó sẽ được in vào sách. Không ngờ đã viết *Trung Giang Ký Sự* đến năm thứ bảy, rồi tại Bình Định xử củ mì, pháp hiệu Minh Đăng Quang mới được bàn đến đạo lý. Thêm vài câu đối đáp, đến cuối buổi hôm đó hòa thượng Giác Tăng bảo:

– Tưởng là ai, té ra là đại đức! Hay! Đại đức cứ cố gắng làm việc đó đi!

Tôi đáp:

– Dạ, con thỉnh hòa thượng có gì mở trang Ánh Nhiên Đăng xem.

– Được rồi.

– Bây giờ con xin phép đi.

– Bây giờ đi đâu?

– Con qua Nhơn Lý, gặp mấy cụ cư sĩ đệ tử ngài Giác An bên đó.

– Để kêu xe chở đi.

– Dạ, để con đi xe buýt, đi taxi phí tiền.

– Đi xe buýt chừng nào tới?

– Hồi viết về Đoàn II con ra đây đi muộn nát rồi, chẳng qua chưa ghé Ngọc Duyên thôi.

Hòa thượng Giác Tăng vỗ vai tôi nói:

– Chúc sư là nhà viết sử cho Hệ phái!

Một lần nữa tôi đáp:

– Bạch hòa thượng, con không có ý làm nhà viết sử! Chẳng qua con muốn dùng phương pháp nghiên cứu sử để làm sáng tỏ giáo pháp mà thôi.

Hòa thượng mỉm cười hiền lành, kéo tôi lại vỗ vai khen tuổi trẻ ngày nay nghiên cứu nhiều hơn hàng tiền bối. Trước sau ngài chẳng nghĩ mình là thầy ai, như thế ngài đúng là vị “khất sĩ” theo tư tưởng Minh Đăng Quang.



Hòa thượng Giác Tăng đang đi bát.

Quả thật phương pháp nghiên cứu sử là một phương pháp hữu hiệu để làm sáng tỏ Giáo pháp Khất sĩ. Với cây bút lịch sử, người viết có được những lợi thế mà các cây bút khác không có. Ví dụ thế này, có một số người ca ngợi một vị hòa thượng đã biết trước ngày mất, nhưng khi liên hệ đến sự kiện sau khi ngài mất thì mọi việc sáng tỏ. Sau khi hòa thượng đó mất, ngài để lại mấy miếng đất, vốn là đất của các Phật tử cúng dường để cất chùa, đều do ngài đứng tên. Vì đất do ngài đứng tên, chưa kịp đổi chủ sở hữu là giáo hội, hay làm di chúc cúng dường giáo hội, nên số đất đó mấy người con của ngài trước khi đi tu được hưởng hết, theo Luật pháp Việt Nam. Mà mấy người đó lại không chịu giao cho giáo hội tiếp quản... Như thế vị ấy đâu có biết trước. Tức là do sự đã sáng tỏ lý, tương tự: dùng nghiên cứu sử để sáng tỏ Giáo pháp là vậy. Và “Giáo pháp” ở đây là “Giáo pháp của chính mỗi người”, mà người chủ chốt là ngài Minh Đăng Quang, hay dở gì “người ấy” sẽ lãnh hết. (*“Người ấy” là Minh Đăng Quang trong nhận thức của mỗi người.*)